

# ‘Nông nghiệp xanh và triển vọng tái cấu trúc ngành nông nghiệp Việt Nam’

**ĐÀO THỊ HOÀNG MAI**

**K**inh tế xanh / tăng trưởng xanh đang là chủ đề được bàn luận nhiều trong thời gian gần đây, trong bối cảnh Việt Nam đang định hướng lại chiến lược phát triển thông qua các kế hoạch tái cấu trúc nền kinh tế. Trước những thách thức toàn cầu liên quan đến biến đổi khí hậu và tài nguyên môi trường, kinh tế xanh mở ra hướng tiếp cận mới cho các mục tiêu phát triển bền vững kinh tế xã hội. Sự phát triển nông nghiệp xanh không những góp phần sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường mà còn đưa ra triển vọng thay đổi cơ cấu sản xuất và tiêu dùng, mang lại hiệu quả kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống cho người dân.

**Từ khóa:** nông nghiệp xanh, tái cấu trúc ngành nông nghiệp.

## 1. Nông nghiệp xanh là gì?

Hiện nay, trên thế giới có 2 xu hướng tiếp cận phổ biến về nông nghiệp xanh là nông nghiệp sinh thái (agroecology) và nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu (climate smart agriculture).

Nông nghiệp sinh thái liên quan đến các ứng dụng sinh thái học trong nông nghiệp. Thuật ngữ này do nhà nông học người Nga, Bensing, đưa ra đầu tiên vào đầu những năm 1930 (Bensing, 1928, 1930, 1935; trích dẫn bởi Wezel et al, 2009). Nông nghiệp sinh thái được định nghĩa là sự “nghiên cứu về các đặc tính vật lý của môi trường, khí hậu và đất đai, liên quan đến sự phát triển của cây trồng” (Azzi, 1956), hay sự “ứng dụng sinh thái trong sản xuất nông nghiệp và quản lý đất đai” (Henin, 1967).

Từ thập niên 1970 trở đi, thuật ngữ nông nghiệp sinh thái không chỉ được áp dụng như một chuyên ngành khoa học thuần túy kỹ thuật, mà mở rộng ra như một cách tiếp cận về môi trường bền vững trong nông nghiệp. Ngày nay, khái niệm nông nghiệp sinh thái được hiểu rộng hơn như các nghiên cứu đa ngành về hệ thống nông nghiệp, bao gồm cả khía cạnh xã hội và kinh tế (Francis et al., 2003). Cách tiếp cận này được sử dụng rất phổ biến trong các

nghiên cứu của các tổ chức phi chính phủ về nông nghiệp.

Trong khi đó, nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu là một khái niệm tương đối mới. Theo FAO<sup>1</sup>, đây là khái niệm tích hợp ba khía cạnh của phát triển bền vững (kinh tế, xã hội và môi trường) giải quyết đồng thời các thách thức về an ninh lương thực và khí hậu, bao gồm ba trụ cột chính:

- Tăng năng suất và hiệu quả nông nghiệp (thu nhập).
- Thích nghi và có khả năng phục hồi trước biến đổi khí hậu.
- Giảm hoặc loại bỏ, nếu có thể, việc phát thải các khí nhà kính.

Khái niệm này ra đời trong bối cảnh an ninh lương thực và các mục tiêu phát triển nông nghiệp của thế giới đang bị đe dọa bởi các tác động của biến đổi khí hậu. Đây là một phương pháp tiếp cận nhằm thay đổi không chỉ về kỹ thuật, mà quan trọng hơn là thể chế, để hướng tới nền nông nghiệp bền vững, có khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đào Thị Hoàng Mai, TS., Viện Kinh tế Việt Nam.

\* Sản phẩm của đề tài “Mô hình tăng trưởng xanh: Khó khăn cho tái cấu trúc các ngành sản xuất của Việt Nam”.

<sup>1</sup> Hội nghị về Nông nghiệp, an ninh lương thực và biến đổi khí hậu, The Hague 2010.

Ngoài ra, những năm gần đây, nông nghiệp hữu cơ (organic farming) đang được cổ vũ rất mạnh mẽ, ở cả những nước phát triển và nước đang phát triển. Nông nghiệp hữu cơ chủ trương áp dụng quy trình sản xuất không sử dụng hóa chất, để tạo ra những sản phẩm cây trồng, vật nuôi an toàn cho người tiêu dùng và giảm thiểu tác hại lên môi trường. Chính thức phát động như một phong trào từ năm 1972, với sự ra đời của Liên minh nông nghiệp hữu cơ quốc tế IFOAM<sup>2</sup>, phải đến đầu thế kỷ XXI, nông nghiệp hữu cơ mới thực sự được ứng dụng rộng rãi. Đến nay, các nước có nông nghiệp hữu cơ phát triển đã hình thành được hệ thống quản lý và cấp chứng chỉ có uy tín như Ecolabel của khối EU, AB của Pháp, USDA Organic của Mỹ, EFAPA của Hàn Quốc... Một trong những thách thức của nông nghiệp hữu cơ là giá thành cao hơn so với kiểu canh tác có sử dụng hóa chất<sup>3</sup>. Tuy nhiên, thực tế tại các nước phát triển cho thấy, khi quy mô nông nghiệp hữu cơ đạt đến một mức độ nhất định thì sự chênh lệch về giá này giảm đáng kể.

## **2. Tại sao cần phải có nông nghiệp xanh?**

### **2.1. Tác động của biến đổi khí hậu đối với nông nghiệp**

Nông nghiệp là ngành chịu ảnh hưởng đầu tiên từ biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu đang và dự kiến sẽ tiếp tục có những tác động trực tiếp và gián tiếp đến sản xuất lương thực (Lobell et al, 2011; trích dẫn bởi FAO, 2013). Các hiện tượng của biến đổi khí hậu như sự gia tăng nhiệt độ trung bình, sự thay đổi lượng mưa, sự thay đổi tần suất và cường độ của các hiện tượng thời tiết cực đoan, nước biển dâng, sự xâm mặn... đều có thể gây nhiều loạn hệ sinh thái và có những tác động sâu sắc đến nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (IPCC, 2007).

Theo dự báo của FAO thì trong vòng 3 thập niên đầu của thế kỷ XXI, biến đổi khí hậu chưa nghiêm trọng đến mức gây ra thiếu lương thực, nhưng nó sẽ làm gia tăng mức độ lệ thuộc vào nhập khẩu lương thực của một số nước và đe dọa an ninh lương thực của nhóm yếu thế (FAO, 2009). Do tác động của biến đổi

khí hậu có xu hướng nghiêm trọng hơn đối với những khu vực dễ bị tổn thương, nên nó có thể làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo và gây nên tình trạng mất cân bằng toàn cầu. Ngoài ra, FAO cũng cho rằng biến đổi khí hậu sẽ dẫn đến những thay đổi nhất định về tư duy nông nghiệp. Chẳng hạn như trong lĩnh vực trồng trọt, tác động phổ với sự sụt giảm diện tích đất canh tác do ngập lụt hay khô hạn thì trên những vùng đất canh tác còn lại sẽ có xu hướng thâm canh tăng vụ và sử dụng nhiều phân bón hơn.

### **2.2. Tác động của nông nghiệp đối với môi trường và biến đổi khí hậu**

Nông nghiệp có vai trò tích cực trong việc làm giảm hiện tượng nóng lên của trái đất. Đất và cây trồng là nguồn hấp thụ carbon quan trọng, góp phần vào việc giảm đáng kể lượng carbon thải vào không khí. Chính vì vậy, trên thế giới hiện nay có xu thế khuyến khích trồng các loại cây trên đất không cày, nhằm làm giảm bớt độ xói của đất.

Tuy nhiên, nông nghiệp là lĩnh vực sử dụng nhiều nhất tài nguyên đất và nước. Ở quy mô toàn cầu, nông nghiệp đang sử dụng 11% quỹ đất vào việc canh tác. Nông nghiệp cũng sử dụng 70% lượng nước khai thác từ các nguồn khác nhau như nước ngầm và các loại nước mặt từ sông, hồ, ao... ở Châu Á, 4/5 quỹ đất và hơn 2/3 lượng nước tiêu dùng cũng được sử dụng cho nông nghiệp (FAO, 2011).

Trong các loại khí thải nhà kính, nông nghiệp là tác nhân quan trọng gây ra phát thải ôxít-nitơ ( $N_2O$ ), chiếm 58% tổng lượng phát thải, chủ yếu là do sử dụng phân bón, khí mê-tan ( $CH_4$ ), chiếm 47% tổng lượng phát thải, chủ yếu từ các hoạt động chăn nuôi và trồng lúa (nhất là lúa nước), ngoài ra là các-bon đi-ô-xit ( $CO_2$ ). Nếu tính gộp chung tất cả các loại khí nhà kính, nông nghiệp (không kể lâm nghiệp) đóng góp khoảng 14% lượng khí nhà kính toàn cầu (IPCC, 2007).

2. International Federation of Organic Agriculture Movements.

3. Có thể gặp 2 đến 3 lần.

Việc thâm canh, đa canh phổ biến trong nông nghiệp đang làm cho đất bị bạc màu, sa mạc hóa và để đối phó với tình trạng đó thì các hóa chất được sử dụng ngày càng nhiều hơn. Phân hóa học là tác nhân gây ô nhiễm một khi nó được sử dụng quá nhiều so với khả năng hấp thụ của đất. Dư lượng ni-tơ-rat và photphat hòa tan vào không khí, vào nước ngầm hay bị rửa trôi cùng nước mặt. Thuốc trừ sâu và các thuốc diệt cỏ được sử dụng nhiều, cả ở những nước phát triển và đang phát triển đang đầu độc nhiều loại sinh vật sống, kể cả con người. Bên cạnh đó, việc tận diệt các loại cỏ và côn trùng cũng làm hại đến đa dạng sinh học và làm mất đi nguồn thức ăn của một số loài khác.

Nông nghiệp cũng là nguồn thải a-mô-niac chủ yếu vào khí quyển. Riêng các loại động vật nuôi thải ra 40% khí thải loại này mỗi năm, cộng với việc đốt cháy sinh khối (bao gồm cả cháy rừng tự nhiên, đốt rừng và đốt các chất thải từ trồng trọt) thải vào không khí khoảng 18% nữa (Mosier & Kroeze, 1998). Amôniac, ni-tơ-rat và photphat là nguyên nhân gây ra mưa axit, và đến lượt nó, mưa axit lại làm hỏng cây cối, đất, nước, gây ảnh hưởng xấu đến sinh thái nói chung. Sự ô nhiễm nguồn nước ngầm do các hóa chất và chất thải nông nghiệp đang là vấn đề nan giải và càng trầm trọng hơn đối với các nước đang phát triển.

Tóm lại, việc sản xuất nông nghiệp theo phương thức truyền thống vẫn đang tiếp tục gây tổn hại đến môi trường. Trong tương lai, nguồn tài nguyên cạn kiệt và bị hư hại sẽ là mối đe dọa trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp. Như vậy, nông nghiệp là tác nhân, cũng đồng thời là nạn nhân của tổn hại môi trường.

### **3. Nông nghiệp xanh ở Việt Nam**

Mới đây, trong khuôn khổ Hội nghị thượng đỉnh về Biến đổi khí hậu diễn ra tại New York tháng 9- 2014 theo sáng kiến của Tổng thư ký Liên hợp quốc Ban Ki-Moon, với sự tham gia của trên 100 đại diện từ các chính phủ, các doanh nghiệp, các tổ chức nông dân, các nhóm xã hội dân sự, các tổ chức sản xuất, các cơ quan nghiên cứu và các tổ chức liên chính phủ,

Liên minh toàn cầu về nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu đã chính thức ra mắt. Việc Việt Nam tham gia liên minh này là một cơ hội để thúc đẩy nghiên cứu, công nghệ và cách tiếp cận chính sách về nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trên thực tế, những năm gần đây, việc ứng dụng các biện pháp cải tiến nông nghiệp theo hướng bền vững hơn đã thu hút được sự quan tâm ngày càng nhiều của xã hội. Về kỹ thuật, có thể kể đến các cuộc vận động của ngành nông nghiệp đối với cây lúa như: “3 giảm - 3 tăng” (giảm lượng giống gieo sạ; giảm lượng thuốc trừ sâu bệnh và giảm lượng phân đạm; tăng năng suất lúa, tăng chất lượng lúa gạo và tăng hiệu quả kinh tế); “1 phải - 5 giảm” (phải sử dụng giống lúa xác nhận; giảm lượng giống gieo sạ, giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật, giảm lượng phân đạm (N), giảm lượng nước và giảm thất thoát sau thu hoạch). Việc sử dụng cân đối các loại phân bón, giảm lượng phân đạm là nhằm mục đích giảm phát thải  $N_2O$ . Việc giảm nước cũng nhằm đồng thời 2 mục đích: tiết kiệm tài nguyên nước và giảm phát thải mê-tan. Như vậy, việc áp dụng đồng thời các nguyên tắc trên sẽ dẫn tới giảm phát thải các khí nhà kính chủ yếu. Tuy nhiên, việc đốt rơm rạ (gây phát thải khí  $CO_2$ ) vẫn diễn ra phổ biến ở nhiều nơi nên mục tiêu giảm phát thải như vậy vẫn chưa được thực hiện triệt để. Vì vậy, từ năm 2013, ngành nông nghiệp bắt đầu triển khai định hướng chương trình này theo công thức mới là “1 phải - 6 giảm”, với mục tiêu bổ sung là giảm phát thải khí nhà kính. Để thực hiện được điều này, các địa phương sẽ phải có phương án khác để xử lý rơm rạ như: trồng nấm, chế biến thành phân hữu cơ hay vật liệu xây dựng. Đối với các sản phẩm khác như cây ăn trái, thủy sản, việc áp dụng đồng bộ các tiêu chuẩn VietGAP<sup>4</sup>, GlobalGAP cũng góp phần kiểm soát việc sử dụng các loại hóa chất. Ngoài ra, các mô hình thí điểm canh tác lúa tiết kiệm nước và giảm phát thải khí mê-tan đã được triển khai ở một số địa phương như Hải Dương, Bình Định, An Giang...

Về nông nghiệp hữu cơ, Việt Nam đã bắt đầu áp dụng trong một số ngành hàng như chè, cà phê, gạo, một số loại hoa quả (như cam, vải...), thủy sản (chủ yếu là cá) và rau. Cho đến nay, Việt Nam vẫn chưa xây dựng được hệ thống quản lý chất lượng và cấp chứng chỉ cho các mặt hàng nông sản thực phẩm hữu cơ nên các cơ sở sản xuất cũng như phân phối phải tự gây dựng uy tín cho thương hiệu riêng. Các mặt hàng tiêu thụ trong nước, như gạo, rau hữu cơ, do giá bán còn cao nên chỉ mới phát triển tại 2 thị trường là thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, chủ yếu trong các siêu thị và cửa hàng cao cấp.

Về thể chế, để có thể áp dụng những biện pháp kỹ thuật một cách đồng bộ, chỉ có giải pháp duy nhất là tăng quy mô sản xuất. Thông qua một số giải pháp như vận động các hộ nông dân “đón điện, đổi thửa” (các hộ gia đình đổi đất cho nhau), thành lập các hợp tác xã nông nghiệp, ngành nông nghiệp đang thúc đẩy quá trình xây dựng các cánh đồng quy mô lớn nhằm thực hiện cơ giới hóa, áp dụng các quy trình sản xuất thống nhất, kiểm soát mức độ đồng đều và nâng cao chất lượng nông sản.

Tại Đồng bằng sông Cửu Long, nơi sản xuất lúa chủ yếu của Việt Nam, nhiều hộ nông dân đã liên kết thành nhóm, cùng áp dụng quy trình gieo trồng thống nhất, áp dụng một số tiến bộ kỹ thuật mới và cơ giới hóa; các doanh nghiệp ký kết hợp đồng với nông dân về cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm. Chuỗi liên kết sản xuất này, gọi tắt là “mô hình cánh đồng mẫu lớn”, được xem như là cách thức đưa sản xuất lúa gạo từ sản xuất quy mô gia đình sang quy mô lớn mà không cần thay đổi sở hữu ruộng đất của các hộ nông dân, tạo ra những lô hàng lúa gạo lớn có chất lượng cao hơn và đồng đều, đáp ứng được những tiêu chuẩn cao của xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

Khởi đầu, một số doanh nghiệp sản xuất và buôn bán vật tư nông nghiệp bổ sung thêm hoạt động kinh doanh nông sản nhằm gắn kết với nông dân chặt chẽ hơn và qua đó đảm bảo thị trường tiêu thụ sản phẩm chính của họ. Một số doanh nghiệp cũng có được hợp đồng

tiêu thụ lúa gạo chất lượng cao hơn (trong nước và xuất khẩu). Vì vậy họ chủ động xây dựng vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo chất lượng đồng nhất và đáp ứng các yêu cầu của người tiêu dùng. Họ ký kết hợp đồng với nhiều hộ nông dân về việc thực hiện các quy trình sản xuất thống nhất. Đây là khởi nguồn của “cánh đồng mẫu lớn” – nơi mà các hộ nông dân vẫn giữ nguyên quyền sở hữu ruộng đất của mình và vẫn tự chủ điều hành công việc sản xuất của mình, nhưng cam kết thực hiện quy trình sản xuất thống nhất theo yêu cầu của doanh nghiệp. Dần dần, hoạt động kinh doanh theo hợp đồng trở nên chuỗi giá trị ngày càng đầy đủ, không những bao gồm cung ứng vật tư, bao tiêu lúa gạo hàng hóa, mà còn hướng dẫn quy trình sản xuất tiên tiến, phơi sấy và chế biến. Trong chuỗi đó các doanh nghiệp này đóng vai trò chủ đạo, ký kết hợp đồng dài hạn với nông dân. Đây là sự thay đổi lớn, có tính căn bản trong chuỗi giá trị, có khả năng tác động tới quá trình chuyển nền sản xuất quy mô nhỏ, tự phát của các hộ gia đình sang nền sản xuất quy mô lớn, tuân thủ tính thống nhất của quy trình sản xuất và đáp ứng những tiêu chuẩn nghiêm ngặt của sản phẩm chất lượng cao.

Không chỉ trong ngành trồng lúa, cơ chế liên kết bằng hợp đồng giữa doanh nghiệp và nông dân còn được áp dụng trong các chuỗi sản xuất nhiều loại nông sản quan trọng khác của Việt Nam như cà phê, ca cao, cây ăn trái. Việc tổ chức sản xuất và tiêu thụ nông sản theo chuỗi liên kết toàn diện và chặt chẽ giữa doanh nghiệp và nông dân mang lại lợi ích cho các bên tham gia. Hiệu quả kinh tế thể hiện ở chi phí sản xuất giảm, cơ giới hóa các công đoạn sản xuất tăng, thu nhập của nông dân tăng, doanh số bán hàng và lợi nhuận của doanh nghiệp tăng, mức độ ổn định của hoạt động kinh doanh được đảm bảo. Bên cạnh đó, thể chế này cũng cho phép kiểm soát và điều chỉnh mức độ sử dụng các hóa chất, nhằm đạt được các tiêu chí về môi trường.

Tuy nhiên, nhìn toàn cục thì quãng đường đi tới nông nghiệp xanh của Việt Nam còn rất dài. Cho đến nay, những chương trình kể trên mới chỉ tác động đến một phần nhỏ của ngành nông nghiệp. Trong đại bộ phận còn lại, việc sử dụng phân hóa học và thuốc bảo vệ thực vật quá mức, hay việc xả thải các phụ phẩm nông nghiệp ra môi trường vẫn còn rất phổ biến. Với khoảng 7,5 triệu hecta đất lúa trên cả nước, lượng rơm rạ thải ra hàng năm lên tới 76 triệu tấn. Riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long, hàng năm thải ra khoảng 39,4 triệu tấn/năm rơm rạ phế thải trong sản xuất lúa. Trong trồng mía thải ra khoảng 2,47 triệu tấn ngọn lá mía phế thải, khoảng 1,42 triệu tấn bã mía sau chế biến đường và khoảng 0,94 triệu tấn bùn thải mía đường. Trong chăn nuôi thủy sản thải ra gần 500 triệu m<sup>3</sup> bùn thải và chất thải<sup>9</sup>.

Tình trạng sử dụng hóa chất trong trồng trọt như phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật đang diễn ra tràn lan, thiếu kiểm soát. Tổng hợp số liệu thống kê, từ năm 2000 đến năm 2005, mỗi năm Việt Nam sử dụng khoảng 35 nghìn đến 37 nghìn tấn hoá chất bảo vệ thực vật, đến năm 2006, tăng đột biến lên tới hơn 71 nghìn tấn và đến năm 2008 đã tăng lên xấp xỉ 110 nghìn tấn. Lượng phân bón hóa học sử dụng bình quân là 80 - 90 kg/ha (cho lúa là 150 - 180kg/ha). Chỉ tính riêng các loại bao bì thải ra đã lên đến 11 nghìn tấn đối với thuốc bảo vệ thực vật và 240 nghìn tấn đối với phân bón<sup>6</sup>.

Trong chăn nuôi, do phương thức chăn nuôi còn lạc hậu, quy mô nhỏ, chưa quan tâm đến xử lý chất thải nên khiến cho môi trường nông thôn vốn đã ô nhiễm càng ô nhiễm. Ước tính, có khoảng 40 - 70% (tùy theo từng vùng) chất thải rắn chăn nuôi được xử lý, số còn lại thải trực tiếp ra ao, hồ, kênh, rạch...

Theo kết quả kiểm kê khí nhà kính<sup>7</sup>, năm 2000, tỷ trọng phát thải từ khu vực nông nghiệp chiếm 43,1% tổng lượng phát thải, có giảm so với 2 lần kiểm kê trước (năm 1998 là 47,4% và năm 1994 là 50,5%)<sup>8</sup>.

Tháng 9-2012, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, đề ra mục tiêu và nhiệm vụ

chiến lược cho các ngành, trong đó có ngành nông nghiệp. Mới đây, tháng 3-2014, Chính phủ cũng đã phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh. Theo đó, 8/66 hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý và điều phối của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn<sup>9</sup>, bao gồm các nội dung như: phát triển nông nghiệp hữu cơ, tái chế phụ phẩm, nghiên cứu thức ăn chăn nuôi theo hướng giảm phát thải, đổi mới công nghệ nuôi trồng thủy sản...

#### 4. Tái cấu trúc ngành nông nghiệp

Có thể nói, thể chế đóng vai trò quyết định trong việc định hướng "xanh" của ngành nông nghiệp. Trên thực tế, để nhân rộng được các mô hình điểm nói trên thì vẫn còn khá nhiều rào cản về thể chế. Tái cấu trúc các ngành sản xuất, trong đó có ngành nông nghiệp là nội dung quan trọng trong tái cấu trúc tổng thể nền kinh tế. Trên cơ sở quan điểm đó, ngày 10-6-2013, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 889/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tái cấu trúc ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, nhằm mục đích thúc đẩy nền nông nghiệp tăng trưởng thực sự về chất, góp phần vực dậy nền kinh tế. Tiếp theo đó, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Đề án tái cấu trúc này và đến giữa năm 2014, 23/63 tỉnh, thành phố đã có đề án (hoặc kế hoạch hành động) tái cơ cấu nông nghiệp của địa phương.

Trong định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp<sup>10</sup>, các mục tiêu được đề ra bao gồm: (1)

5. Nguồn: Bộ Tài nguyên và môi trường (2012). Báo cáo môi trường quốc gia 2011.

6. Báo cáo môi trường quốc gia 2011, đã dẫn.

7. Thông báo quốc gia lần thứ 2 trong khuôn khổ Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Việt Nam (2010).

8. Tuy nhiên, khó có thể đánh giá về nguyên nhân giảm tỷ trọng phát thải, bởi bản thân tỷ trọng của khu vực nông nghiệp trong nền kinh tế cũng đang giảm.

9. Bao gồm các hoạt động 20, 21, 22, 24, 25, 31, 40 và 50.

10. Quyết định số 889/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cấu trúc ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

duy trì tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh của ngành; (2) nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống cho cư dân nông thôn và (3) quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, sinh thái. Như vậy, chiến lược tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã được định hướng theo 3 trụ cột về phát triển bền vững là kinh tế, xã hội và môi trường.

Có một nghịch lý trong xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam hiện nay là: tuy Việt Nam có nhiều mặt hàng có sản lượng xuất khẩu thuộc top đầu thế giới nhưng sức cạnh tranh yếu và không thể hiện được vị thế, không quyết định được giá cả của thị trường thế giới. Do vậy, mặc dù sản lượng của hầu hết các ngành hàng đều tăng theo các năm, nhưng giá trị kim ngạch lại không tăng bao nhiêu. Mục tiêu đầu tiên của tái cơ cấu nông nghiệp là làm sao cho nông sản Việt Nam xuất khẩu có giá thành cao, xây dựng được thương hiệu, có sức cạnh tranh mạnh so với các nước khác.

Tiếp đến, việc tìm ra giải pháp cải thiện đời sống cho nông dân cũng là một vấn đề không kém cấp bách. Trong lịch sử đấu tranh cách mạng, nông dân là lực lượng chủ lực, còn nông thôn là địa bàn chiến lược. Trong thời kỳ đổi mới, nông nghiệp là mũi nhọn đột phá. Trong quá trình công nghiệp hóa, nông nghiệp là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Còn trong giai đoạn khủng hoảng, nông nghiệp là giá đỡ cho nền kinh tế. ở thời điểm nào, nông nghiệp và nông dân cũng là chỗ dựa, là nhân tố tạo sự bình ổn cho kinh tế, xã hội. Trải qua tất cả các thời kỳ đó, với không ít chương trình đầu tư phát triển cho nông thôn đã được triển khai, thu nhập của dân cư nông thôn vẫn thấp, khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn ngày càng tăng. Bình quân đầu người dân nông thôn mỗi tháng chỉ bằng 50,3% thu nhập của người dân thành thị<sup>11</sup>.

Cuối cùng, môi trường nông thôn hiện nay đang bị ô nhiễm khá nặng nề. Chất thải công nghiệp, đô thị dồn về nông thôn, tác động xấu đến điều kiện sống của nông dân, nhất là khu vực ven đô, cạnh các khu công nghiệp và làng nghề, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe

của người và gia súc. Mục tiêu thứ ba về môi trường được cụ thể hóa thông qua việc “tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính và các tác động tiêu cực khác đối với môi trường, khai thác tốt các lợi ích về môi trường, nâng cao năng lực quản lý rủi ro về thời tiết và thiên tai trong bối cảnh Việt Nam đang triển khai Chiến lược tăng trưởng xanh”<sup>12</sup>. Nếu thực hiện được mục tiêu này, điều kiện môi trường sống của cư dân nông thôn sẽ được cải thiện, đồng thời với các tiêu chuẩn về nông nghiệp xanh./

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. FAO (2013), Climate-Smart Agriculture Sourcebook, Food and Agriculture Organization of the United Nations, Rome.
2. FAO (2011), The state of the world's land and water resources for food and agriculture (SOLAW) - Managing systems at risk, Food and Agriculture Organization of the United Nations, Rome and Earthscan, London.
3. FAO (2009), Food Security and Agricultural Migration in Developing Countries: Options for Capturing Synergies, Food and Agriculture Organization of the United Nations, Rome.
4. FAO (2002), World agriculture: towards 2015-2030, Food and Agriculture Organization of the United Nations, Rome.
5. IPCC (2007), Climate change 2007, Fourth Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change, Geneva.
6. Mosier, A. & Kroeze, C. (1998), A new approach to estimating emissions of nitrous oxide from agriculture and its implications for the global change N2O budget, IGBP Global Change Newsletter 34: 8-13.
7. Wezel A. et al. (2009), Agroecology as a science, a movement and a practice, A review, Available online at: [www.agronomy-journal.org](http://www.agronomy-journal.org).

11. Tổng cục Thống kê, số liệu năm 2012.  
12. Đề án tái cấu trúc ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.